



CÔNG TY HOA TIÊU TÂN CẢNG

KẾ HOẠCH DẪN TÀU 06/02/2026 (Thứ Sáu)

LỊCH THỦY TRIỀU

Mực nước	Vũng Tàu	Cát Lái	Dòng chảy
2	22:18	02:00	↗
3.6	03:49	07:00	↘
1.2	10:27	14:15	↗
3.7	17:00	20:30	↘
1.9	22:56	02:45	↗
3.4	04:38	08:00	↘

STT	Hoa tiêu	Tàu đến	M.n	C.dài	GRT	Cầu bến	P.O.B	Ghi chú	Tàu lai
1	Quyết	WAN HAI 289	10.1	175	20,899	P/s3 - BNPH	03:30	//0700	A2-A5
2	Phú - N.Trường	ANBIEN SKY	9.4	172	18,852	P/s3 - BNPH	09:00	//	A3-TM
3	B.Long	UNI PRUDENT	9.1	182	17,887	P/s3 - CL5	09:30	//0930	A1-A6
4	Hà - Chính	SITC MACAO	9.4	172	17,119	P/s3 - CL4	09:30	//1230	A5-08
5	P.Thùy	KMTC TAIPEIS	8.9	172	18,370	P/s3 - CL3	10:00	//1300	A5-A6
6	Chương	KMTC JARKATA	9	172	16,659	P/s3 - CL1	10:00	//1300	A2-A3
7	Duyệt - N.Hiển	POS SINGAPORE	7.5	172	17,846	H25 - TCHP	10:00	// SR	01-12
8	Diệu	SOON LI 12	3.3	65	1,580	P/s1 - CL2	14:30	//	08
9	P.Tuấn	WAN HAI 293	10.5	175	20,918	P/s3 - CL4-5	17:00	//2030	A2-A6
10	M.Hùng	TRUONG AN 06	7	96	2,917	H25 - CanGio	15:30	// SR	
11	V.Hải	KMTC TOKYO	9.3	173	17,853	P/s3 - BNPH	23:00	//2000	A3-A5
12	Uy	SAN PEDRO	9.2	172	16,880	P/s3 - CL3	21:30	//0030	
13	Tân	CA GUANGZHOU	9.3	167	17,871	P/s3 - CL1	22:00	//0100	
14	Đ.Minh	SAWASDEE INCHEON	9.4	172	18,051	P/s3 - CL7	23:00	//0130	
15	N.Hoàng	LG ASPHALT 2	5.7	100	5,051	P/S - CR	12:00	QTCR	
16	A.Tuấn - Anh	GSL AFRICA	9.9	200	27,213	P/s3 - CL4-5	01:30	Cano DL, //0300	A1-A6

STT	Hoa tiêu	Tàu Cái Mép	M.n	C.dài	GRT	Cầu bến	P.O.B	Ghi chú	Tàu lai
1	N.Minh	WAN HAI 358	10	204	30,519	P/s3 - CM4	04:00	MP-VTX	A9-ST1
2	V.Tùng	ADDISON	10.9	222	27,779	P/s3 - CM4	08:00	MP-VTX	A9-A10
3	N.Tuấn - K.Toàn	YM WISDOM	13.5	367	151,451	CM3 - P/s3	17:00	MP-DL	MR-KS-AWA
4	M.Tùng	WAN HAI 358	11.2	204	30,519	CM4 - P/s3	17:00	MP-VTX	A9-A10
5	Th.Hùng	ADDISON	11	222	27,779	CM4 - P/s3	23:00	MP-VTX	A9-A10
6	P.Cần - P.Hung	EMERALD TOWER	11	300	96,375	P/s3 - CM3	02:00	MT-VTX	MR-KS

7	H.Thành	NEWSUN GREEN 03	4.3	100	3,958	G12 - CM4	17:00	ĐX	
STT	Hoa tiêu	Tàu đi	M.n	C.dài	GRT	Cầu bến	P.O.B	Ghi chú	Tàu lai
1	Đ.Chiến - Tín	SKY SUNSHINE	8	172	17,853	CL4 - H25	01:00	SR	A5-08
2	N.Cường - Hoàn	EVER OCEAN	9	195	29,116	CL4-5 - P/s3	03:00	LT	A1-A6
3	Quang - M.Cường	MIYUNHE	8.5	183	16,738	BNPH - H25	06:00	SR	A1-A2
4	V.Hoàng	NIMTOFTE MAERSK	8.8	172	26,255	CL7 - P/s3	08:30	LT	A2-A5
5	Đào	HAIAN IRIS	8	147	9,963	TCHP - H25	07:30	SR	01-12
6	N.Thanh - Giang	YM CONSTANCY	9.2	210	32,720	CL5 - P/s3	08:30	LT	A1-A6
7	Kiên	KMTC BANGKOK	9.5	173	18,318	CL4 - P/s3	12:30	LT	A3-A5
8	N.Dũng	CNC CHEETAH	9.8	186	31,999	CL3 - P/s3	12:00	LT	A1-A6
9	N.Chiến	EVER COMMAND	9	172	18,658	CL1 - P/s3	13:00	LT	A2-A5
10	A.Tuấn - Anh	GSL AFRICA	9.8	200	27,213	CL4-5 - P/s3	21:00		A1-A6
11	Đ.Long	ANBIEN SKY	8	172	18,852	BNPH - P/s3	22:00		A3-TM
12	T.Tùng	POS SINGAPORE	8.5	172	17,846	TCHP - H25	01:30	SR	01-12
13	Quyển	SOON LI 12	3.5	65	1,580	CL2 - H25	22:00	SR	08
14	Nhật - N.Trường	KMTC JARKATA	8.8	172	16,659	CL1 - P/s3	22:00		A2-A5
15	Tân	ANBIEN BAY	9.1	172	17,515	CL1 - P/s3	00:00	LT	A2-08
16	P.Tuấn	MAERSK NUSSFJORD	8.5	172	25,805	BNPH - P/s3	00:00	LT	A1-A6
17	Duy - Vinh	ADIRA 55	3.5	98	2,998	CanGio - H25	16:00	ĐX, SR	
18	M.Hải	SON TRA 126	3.3	100	4,332	CanGio - G14	20:00	ĐX, SR	
STT	Hoa tiêu	Tàu dời	M.n	C.dài	GRT	Cầu bến	P.O.B	Ghi chú	Tàu lai
1	M.Hải	WAN HAI 289	9	175	20,899	BNPH - CL7	12:00	ĐX	